

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
KHÓA 9 (2017-2019) - KỲ THI NGÀY 15/11/2019

Môn: **GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Giờ thi: 13h30

Ngành: **Sư phạm mầm non, Sư phạm tiểu học**
Tin học ứng dụng, Kế toán doanh nghiệp

Phòng thi: GD1

Địa điểm : Số 1 Đoàn Kết, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

STT	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	25701331	KT01	CT103	Nguyễn Thị Hồng	Đào	13/02/1996	6.0	Sáu	
2	371679346	KT02	CT135	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/08/1996	7.0	Bảy	
3	273513662	KT03	CT104	Lê Ngọc Thúy	Liễu	01/07/1994	8.5	Tám phẩy năm	
4	341925188	KT04	CT105	Nguyễn Ngọc	Nhi	02/12/1998	8.5	Tám phẩy năm	
5	24581656	KT05	CT106	Phạm Thị Minh	Phượng	11/05/1986	8.0	Tám	
6	194631299	KT06	CT134	Trần Thị Diệu	Linh	20/08/1999	9.5	Chín phẩy năm	
7	36580423	KT08	CT107	Nguyễn Mỹ	Nhân	16/01/1993	8.5	Tám phẩy năm	
8	024514108	KT09	CT133	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	1.5	Một phẩy năm	
9	250626033	KT10	CT132	Nguyễn Thị Diễm	My	17/09/1991	5.5	Năm phẩy năm	
10	122256019	KT11	CT108	Lê Thị	Ngọc	15/09/1997	8.0	Tám	
11	23809343	KT12	CT131	Nguyễn Hoài	Thanh	09/10/1984	3.5	Ba phẩy năm	
12	215331893	MN06	CT109	Trần Thị Mỹ	Duyên	08/02/1997	8.0	Tám	
13	250999852	MN07	CT110	Thi Mỹ	Duyên	23/03/1996	7.5	Bảy phẩy năm	
14	241409863	MN08	CT130	Lê Thị Thu	Huyền	17/01/1993	6.0	Sáu	
15	184377302	MN09	CT129	Hoàng Thị	Minh	10/08/1999	9.0	Chín	
16	184327652	MN10	CT111	Trần Thị	Na	09/11/1999	8.5	Tám phẩy năm	
17	25636622	MN11	CT128	Trần Thảo	Nguyên	12/04/1995	7.5	Bảy phẩy năm	
18	221421525	MN12	CT127	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	11/09/1998	9.0	Chín	
19	241652968	MN13	CT112	Hbloen	Ông	11/06/1997	9.0	Chín	
20	26032874	MN14	CT113	Hà Thị Mỹ	Phượng	21/07/1999	8.5	Tám phẩy năm	
21	285689105	MN15	CT126	Điều Thị Thu	Thảo	01/10/1997	5.0	Năm	
22	25501799	MN16	CT114	Nguyễn Ngọc Như	Thủy	11/01/1997	4.0	Bốn	
23	191990548	MN18	CT125	Trần Thị	Hiền	17/10/1997	5.0	Năm	
24	25804674	MN19	CT115	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	08/10/1998	4.0	Bốn	
25	352427707	MN20	CT124	Phan Thị Diễm	Trinh	01/09/1997	5.0	Năm	
26	160200001	MN21	CT116	Lê Thị Kim	Anh	15/07/1999	4.0	Bốn	
27	151189964	MN23	CT123	Nguyễn Thị	Thương	01/07/1986	6.0	Sáu	

STT	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
28	25543143	MN24	CT117	Hoàng Ngọc Quỳnh	Trang	02/05/1997	2.0	Hai	
29	273504403	MN25	CT122	Trần Thị Kim	Tuyền	05/04/1993	8.0	Tám	
30	141090936	TH01	CT118	Phạm Thành	Được	04/11/1999	9.0	Chín	
31	25448152	TH02	CT121	Phùng Thế	Lợi	23/10/1996	7.5	Bảy phẩy năm	
32	141080274	TH03	CT119	Huỳnh Anh	Tài	26/11/1998	8.0	Tám	
33	141081050	TH04	CT120	Trần Đình Minh	Tâm	04/04/1999	7.5	Bảy phẩy năm	
34	184366294	SP01	CT101	Lê Thị	Giang	28/07/1999	6.0	Sáu	
35	025925223	SP02	CT140	Huỳnh Ngọc Thu	Hà	24/07/1999	3.5	Ba phẩy năm	
36	264538727	SP04	CT102	Mơ Num Át Si	Lan	25/02/1999	2.5	Hai phẩy năm	
37	206208145	SP05	CT139	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/09/1999	3.5	Ba phẩy năm	
38	301637627	SP06	CT138	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/11/1998	2.0	Hai	
39	321611736	SP08	CT137	Lê Thị Cẩm	Tiên	05/06/1999	3.0	Ba	
40	215489618	SP09	CT136	Châu Thanh	Hằng	18/12/1999	7.5	Bảy phẩy năm	

Số HS dự thi: 40 Số HS vắng thi: 0

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BAN KHẢO THÍ

Bùi Minh Trung